CTCP Thép Thủ Đức - VNSTEEL (UPCOM: TDS)

FireAnt

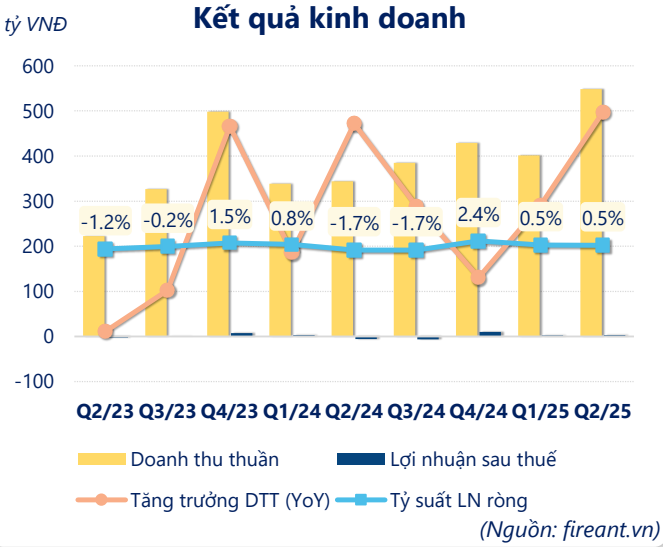
Ngày 30/06/2025	8,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	4.8%	**-13.9%**	**-18.7%**

ROE — Q2/25: **3.9%** | +/- YoY: ▲ 2.4%

	Q2/25	QoQ	YoY
DT thuần	**548** tỷ VNĐ	▲ 147 ▲ 36.7%	▲ 204 ▲ 59.3%
LN gộp	**13.4** tỷ VNĐ	▼ 3.30 ▼ 19.5%	▲ 8.40 ▲ 169%
LN thuần	**3.36** tỷ VNĐ	▲ 0.66 ▲ 24.3%	▲ 9.88 ▲ 151%
LN sau thuế	**2.59** tỷ VNĐ	▲ 0.43 ▲ 19.8%	▲ 8.42 ▲ 144%

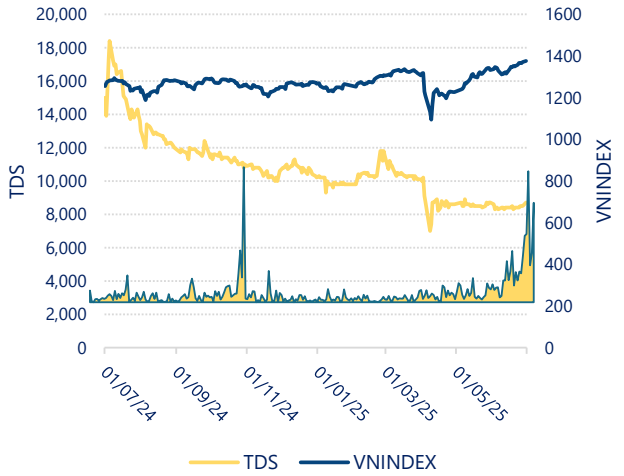
	6T 2025	YoY
DT thuần	**949** tỷ VNĐ	▲ 266 ▲ 39.1%
LN gộp	**30.1** tỷ VNĐ	▲ 13.1 ▲ 77.2%
LN thuần	**6.06** tỷ VNĐ	▲ 13.0 ▲ 187%
LN sau thuế	**4.75** tỷ VNĐ	▲ 7.82 ▲ 255%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

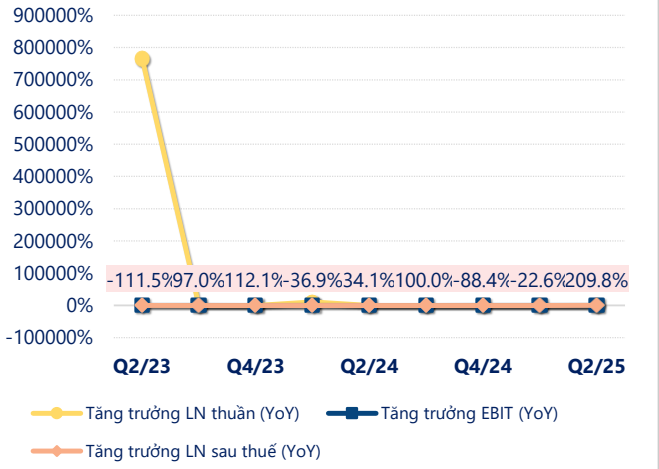
Lịch sử giá



CTCP Thép Thủ Đức - VNSTEEL (UPCOM: TDS)

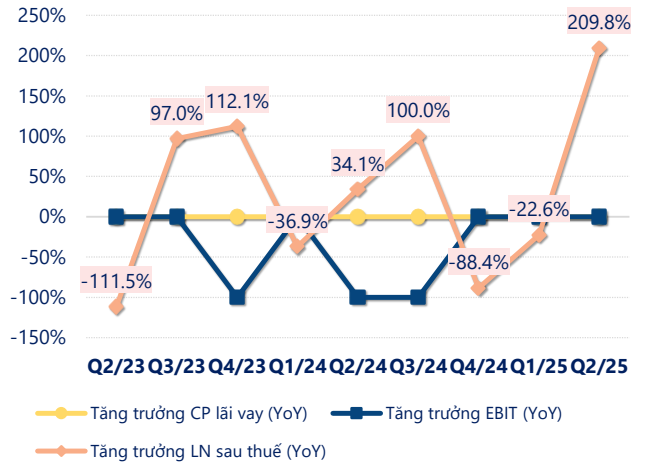
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



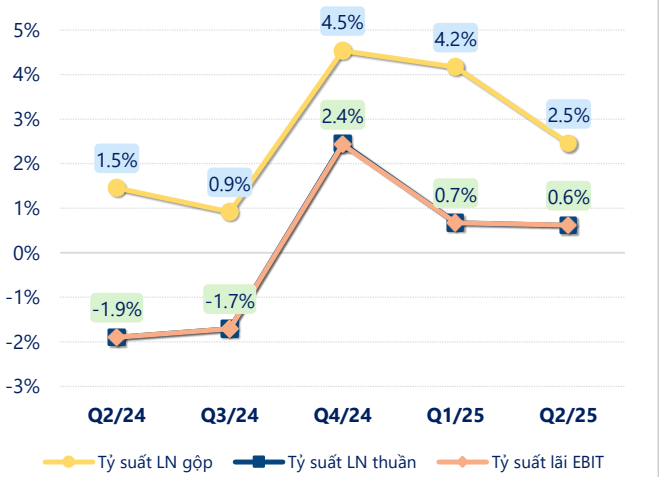
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



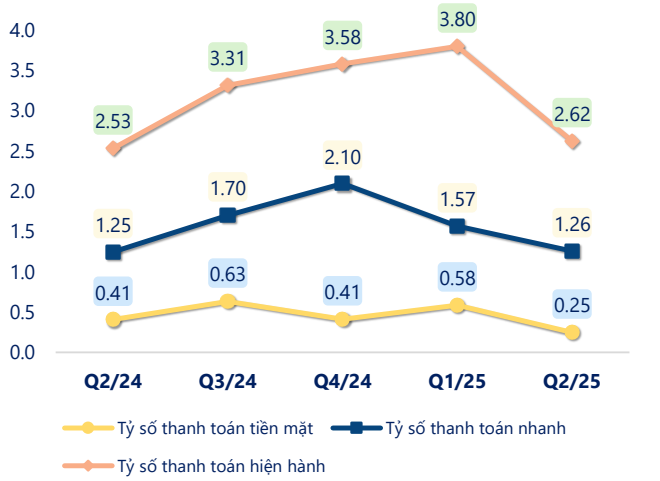
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



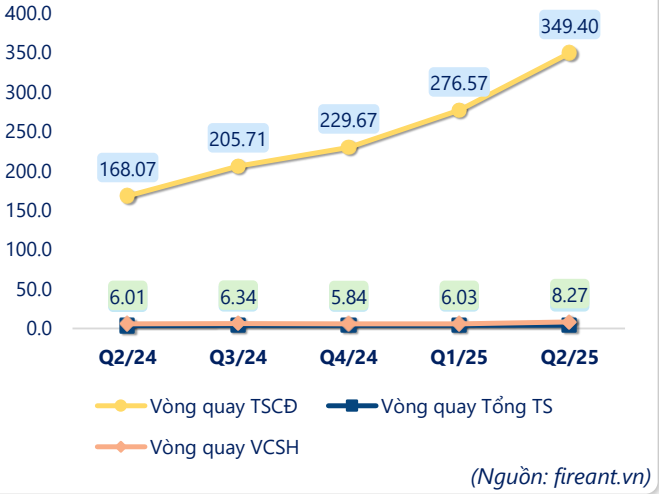
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



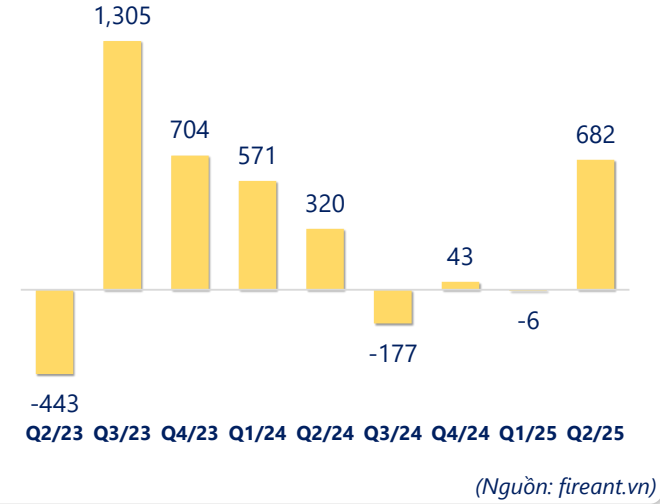
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

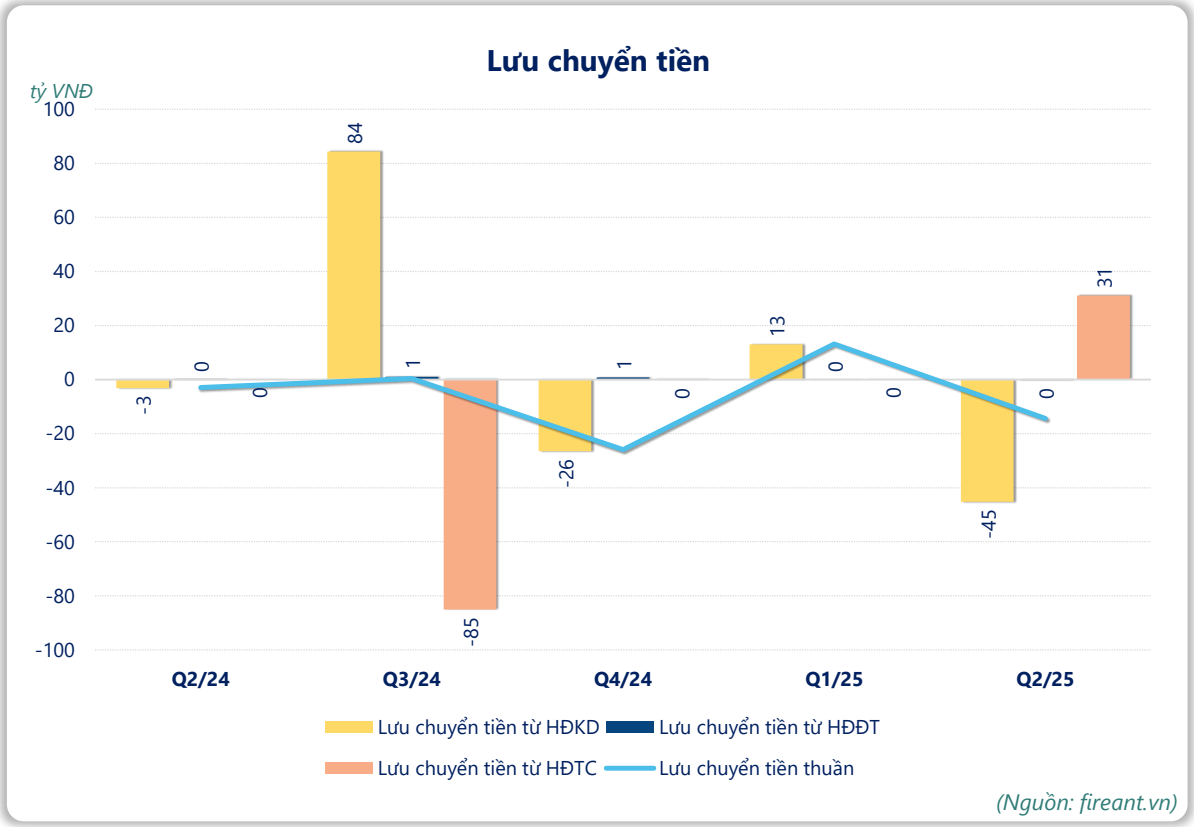


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Thép Thủ Đức - VNSTEEL (UPCOM: TDS)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**548**	**344**	**59.3%**	**949**	**683**	**39.1%**
Giá vốn hàng bán	535	339	57.7%	919	666	38.1%
Lợi nhuận gộp	13.4	5.00	169%	30.1	17.0	77.2%
Doanh thu HĐTC	2.35	1.03	129%	3.53	1.78	98.2%
Chi phí TC	0.11	0.00		0.24	0.00	7902%
Chi phí lãi vay	0.03	0.00		0.03	0.00	23383%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	3.83	3.07	24.9%	6.91	5.91	16.9%
Chi phí QLDN	**8.49**	**9.49**	**-10.5%**	**20.5**	**19.8**	**3.2%**
LN thuần từ HĐKD	3.36	-6.52	151%	6.06	-6.94	187%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**0**	**3.87**	**-100%**
LN trước thuế	3.36	-6.52	151%	6.06	-3.07	298%
Lợi nhuận sau thuế	**2.59**	**-5.83**	**144%**	**4.75**	**-3.07**	**255%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.59**	**-5.83**	**144%**	**4.75**	**-3.07**	**255%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)